

BÁO CÁO

**Thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh
Quy định một số nội dung, mức chi hoạt động đối với các đảng ủy xã,
phường và mức chi thăm hỏi, tặng quà của Tỉnh ủy, đảng ủy xã, phường
trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn**

Sở Tư pháp nhận được Tờ trình số 535/TTr-STC ngày 25/9/2026 của Sở Tài chính đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số nội dung, mức chi hoạt động đối với các đảng ủy xã, phường và mức chi thăm hỏi, tặng quà của Tỉnh ủy, đảng ủy xã, phường trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ dự thảo văn bản, Sở Tư pháp báo cáo như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH; PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA DỰ THẢO

1. Sự cần thiết ban hành văn bản

Điểm b khoản 3 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 quy định:

“Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh

3. Trong lĩnh vực quy hoạch, kế hoạch, tài chính, ngân sách, đầu tư và thực hiện liên kết vùng:

b) Quyết định cơ chế, chính sách, biện pháp liên quan đến tài chính, ngân sách, đầu tư của địa phương; về phí, lệ phí; quyết định chủ trương, biện pháp huy động, quản lý, sử dụng các nguồn vốn cho đầu tư phát triển; quyết định việc vay các nguồn vốn theo quy định của pháp luật;”.

Điểm c khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15) quy định:

“Điều 21. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định:

c) Chính sách, biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương; biện pháp khác có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; phân cấp và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp...”.

Điểm l khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 quy định:

“Điều 31. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân các cấp

9. Đối với Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, ngoài nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều này còn có nhiệm vụ, quyền hạn:

l) Quyết định các chế độ chi ngân sách để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an sinh xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối của ngân sách địa phương;”.

Khoản 2 Điều 4 Quy định số 113-QĐ/VPTW ngày 25/3/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng quy định:

“2. Đảng ủy xã, phường, đặc khu và đảng ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng ở những nơi có đặc điểm riêng:

a) Chi thực hiện xây dựng và thẩm định văn bản (bao gồm: Nghị quyết, quy chế, quy định, đề án) do tỉnh ủy, thành ủy, ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy giao nhiệm vụ, áp dụng mức chi theo Điều 5; chi hội nghị thực hiện theo quy định tại Điều 8; chi bồi dưỡng khác thực hiện theo quy định tại Điều 10 Quy định này.

b) Căn cứ các nội dung, mức chi tại Quy định này (trừ nội dung quy định tại Điểm a, Khoản 2 Điều này), văn phòng tỉnh ủy, thành ủy chủ trì, phối hợp với sở tài chính và các cơ quan có liên quan của tỉnh, thành phố báo cáo ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy (bằng văn bản) đề nghị hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố quyết định hoặc giao hội đồng nhân dân cấp xã quyết định đối với đảng ủy xã, phường, đặc khu và đảng ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng ở những nơi có đặc điểm riêng, mức chi tối đa bằng 50% mức chi của tỉnh ủy, thành ủy, bảo đảm phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và khả năng cân đối của ngân sách địa phương.”.

Mục 12 Kết luận số 280-KL/TU ngày 07/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại kỳ họp thứ bảy, ngày 07 tháng 5 năm 2026 ghi:

“12. Tờ trình số 26-TTr/VPTU, ngày 24/4/2026 của Văn phòng Tỉnh ủy về việc triển khai thực hiện Quy định số 113-QĐ/VPTW, ngày 25/3/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng quy định một số nội dung, mức chi hoạt động của tỉnh ủy, thành ủy

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đồng ý bãi bỏ Quy định số 2581-QĐ/TU, ngày 05/8/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về một số chế độ, định mức chi phục vụ hoạt động của các cấp ủy đảng thuộc Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn do không còn phù hợp với quy định hiện hành. Giao Văn phòng Tỉnh ủy rà soát, hoàn thiện dự thảo Quyết định bãi bỏ Quy định số 2581-QĐ/TU, trình Thường trực Tỉnh ủy xem xét, ký ban hành.

Giao Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai việc xây dựng Nghị quyết, trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định mức chi hoạt động đối với các đảng ủy xã, phường trên địa bàn tỉnh, mức chi tối đa bằng 50% mức chi của tỉnh, bảo đảm phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và khả năng cân đối của ngân sách địa phương.”.

Mục 10 Công văn số 1244-CV/ĐU ngày 11/5/2026 của Đảng ủy UBND tỉnh về việc thực hiện Kết luận của Thường trực, Ban Thường vụ Tỉnh ủy số 279-KL/TU, 280-KL/TU ngày 07/5/2026 ghi:

“10. Về việc triển khai thực hiện Quy định số 113-QĐ/VPTW, ngày 25/3/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng quy định một số nội dung, mức chi hoạt động của tỉnh ủy, thành ủy (Tờ trình số 26-TTr/VPTU, ngày 24/4/2026 của Văn phòng Tỉnh ủy)

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã đồng ý bãi bỏ Quy định số 2581-QĐ/TU, ngày 05/8/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về một số chế độ, định mức chi phục vụ hoạt động của các cấp ủy đảng thuộc Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn do không còn phù hợp với quy định hiện hành.

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo triển khai việc xây dựng Nghị quyết, trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định mức chi hoạt động đối với các đảng ủy xã, phường trên địa bàn tỉnh, mức chi tối đa bằng 50% mức chi của tỉnh, bảo đảm phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và khả năng cân đối của ngân sách địa phương.”.

Công văn số 1767/HĐND-VHXXH ngày 25/8/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chủ trương xây dựng văn bản quy định chế độ chi thăm hỏi, tặng quà của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy đối với các đối tượng chính sách - xã hội, trong đó Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện một số nội dung sau:

*“1. Giao cho Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan, Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Pháp chế HĐND tỉnh thống nhất **ban hành 01 Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh tích hợp quy định** “chế độ chi thăm hỏi, tặng quà của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy đối với các đối tượng chính sách - xã hội trên địa bàn tỉnh” với quy định “mức chi hoạt động đối với các đảng ủy xã, phường trên địa bàn tỉnh” để bảo đảm đúng quy định của pháp luật và phù hợp với điều kiện ngân sách của tỉnh. (Quy định về chi hoạt động của đảng ủy xã, phường đã được Thường trực HĐND tỉnh chấp thuận ban hành Nghị quyết tại Thông báo số 1428/TB-HĐND ngày 24/7/2026).*

2. Đề nghị tiếp tục rà soát, nghiên cứu xem xét bổ sung thêm đối tượng “quy định chế độ chi thăm hỏi, tặng quà đối với Đảng ủy xã, phường trên địa bàn tỉnh” do trước đây Quyết định số 2581-QĐ/TU ngày 05/8/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã có quy định đối tượng này và thực tiễn cần thiết ban hành để Đảng ủy xã, phường trên địa bàn tỉnh có cơ sở thực hiện.”.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đã có các Công văn số 5620/VP-KTTH ngày 27/6/2026 về việc xây dựng hồ sơ đăng ký xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi hoạt động đối với các đảng ủy xã, phường; Công văn số 7989/VP-KTTH ngày 27/8/2026 về việc xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tích hợp bổ sung chế độ chi thăm hỏi, tặng quà của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy đối với các đối tượng chính sách - xã hội, trong đó giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp

với các cơ quan liên quan nghiên cứu, xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, bảo đảm trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh.

Do đó, việc xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số nội dung, mức chi hoạt động đối với các đảng ủy xã, phường và mức chi thăm hỏi, tặng quà của Tỉnh ủy, đảng ủy xã, phường trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn là có cơ sở pháp lý, phù hợp thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh và phù hợp với tình hình thực tiễn trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

2.1. Phạm vi điều chỉnh

Khoản 1 Điều 1 dự thảo quy định:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số nội dung chi, mức chi hoạt động đối với các đảng ủy xã, phường và mức chi thăm hỏi, tặng quà của Tỉnh ủy, đảng ủy xã, phường trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.”.

Tại tên gọi dự thảo Nghị quyết là “*Nghị quyết quy định một số nội dung, mức chi hoạt động đối với các đảng ủy xã, phường và mức chi thăm hỏi, tặng quà của Tỉnh ủy, đảng ủy xã, phường trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”.*

Đề nghị cơ quan soạn thảo quy định thống nhất phạm vi điều chỉnh với tên gọi dự thảo Nghị quyết.

2.2. Đối tượng áp dụng được quy định tại khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị quyết phù hợp với nội dung dự thảo Nghị quyết.

II. SỰ PHÙ HỢP CỦA NỘI DUNG DỰ THẢO VỚI CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG

Nội dung dự thảo phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng.

III. TÍNH HỢP HIẾN, TÍNH HỢP PHÁP, TÍNH THỐNG NHẤT VỚI HỆ THỐNG PHÁP LUẬT CỦA DỰ THẢO

1. Dự thảo Nghị quyết

1.1. Về đối tượng áp dụng tại khoản 2 Điều 1 dự thảo quy định:

“2. Đối tượng áp dụng: Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy;...”, đề nghị xem xét rà soát bỏ đối tượng “Văn phòng Tỉnh ủy” vì Văn phòng Tỉnh ủy đã nằm trong hệ thống cơ quan tham mưu của Tỉnh ủy.

1.2. Khoản 3 Điều 2, khoản 2 Điều 7 đề nghị cơ quan soạn thảo trước khi sử dụng cụm từ viết tắt “*cấp tỉnh*”, “*cấp xã*” đề nghị có quy định chú thích cách gọi tắt ngay sau cụm từ đầy đủ được dùng lần đầu tiên, trước khi sử dụng các cụm từ viết tắt này.

1.3. Khoản 1.3 Điều 3 quy định:

“1.3. Mức chi quy định trên là mức khoán chi đến khi văn bản được ký ban hành, bao gồm:...”.

Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét sửa như sau để bảo đảm chính xác văn bản được ban hành:

*“1.3. Mức chi quy định trên là mức khoán chi đến khi **văn bản được ban hành**, bao gồm:...”*.

1.3. Khoản 1 Điều 7 quy định:

“Điều 7. Chi thăm hỏi, tặng quà của Tỉnh uỷ, đảng uỷ xã, phường đối với các đối tượng chính sách - xã hội

1. Đối tượng thăm hỏi, tặng quà

*Các đối tượng chính sách - xã hội gồm: các đối tượng quy định tại **khoản 1, Điều 2 của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng** và thân nhân liệt sĩ; các tập thể, cá nhân lập thành tích xuất sắc trong chiến đấu, học tập, lao động, sản xuất; các tổ chức, cá nhân tham gia phòng chống dịch bệnh; các đối tượng gặp rủi ro thiên tai, tai nạn lao động, tai nạn giao thông; các đối tượng thuộc diện chính sách xã hội như: hộ gia đình nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số, hộ có người khuyết tật, trẻ mồ côi, học sinh có hoàn cảnh khó khăn; các trường dân tộc nội trú, các xã biên giới, các đơn vị lực lượng vũ trang ở biên giới, hải đảo.”*

Tại Điều 2 Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng quy định:

“Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người có công với cách mạng.

2. Thân nhân của người có công với cách mạng.

3. Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng.”

Do khoản 1 Điều 2 Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng chỉ quy định đối tượng “*Người có công với cách mạng*”, do vậy đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét quy định cụ thể là đối tượng “*Người có công với cách mạng*” tại dự thảo, không cần thiết viển dẫn đối tượng đến **khoản 1, Điều 2 của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng**.

Xem xét sửa như sau:

*“Các đối tượng chính sách - xã hội gồm: **Người có công với cách mạng**, thân nhân liệt sĩ; các tập thể, cá nhân lập thành tích...”*

- Xem xét làm rõ việc quy định đối với các đối tượng thăm hỏi, tặng quà của Tỉnh uỷ, đảng uỷ xã, phường với đối tượng *tai nạn giao thông* để thống nhất, cụ thể trong thực hiện.

2. Bản tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị

Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung các nội dung:

- Bổ sung ý kiến và việc tổng hợp ý kiến của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự thảo Nghị quyết theo quy định tại Điều 2, Điều 44 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP).

- Bổ sung số lượng và việc tổng hợp ý kiến góp ý trên Cổng thông tin điện tử tỉnh (trường hợp không có ý kiến góp ý đề nghị cơ quan soạn thảo ghi rõ không có ý kiến góp ý).

3. Dự thảo Tờ trình

Đề nghị bố cục theo đúng Mẫu số 02 Phụ lục IV kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ:

- **Mục IV** bố cục như sau:

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

2. Bố cục của dự thảo văn bản

3. Nội dung cơ bản

- **Mục V, VI** xem xét gộp chung thành “**V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA/BAN HÀNH**”.

IV. SỰ CẦN THIẾT, TÍNH HỢP LÝ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Nội dung dự thảo không quy định thủ tục hành chính.

V. NGUỒN TÀI CHÍNH, NGUỒN NHÂN LỰC, VIỆC PHÂN CẤP, THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN ĐƯỢC PHÂN CẤP, VIỆC ỨNG DỤNG, THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Nội dung trong hồ sơ dự thảo văn bản bảo đảm điều kiện để thi hành từ nguồn ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

VI. VỀ NGÔN NGỮ, THỂ THỨC, KỸ THUẬT TRÌNH BÀY VÀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC SOẠN THẢO VĂN BẢN

1. Về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày

Nội dung hồ sơ dự thảo phù hợp về ngôn ngữ, đúng thể thức, kỹ thuật trình bày.

2. Về trình tự, thủ tục soạn thảo

Cơ quan chủ trì soạn thảo đã thực hiện các bước theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Đề nghị thực hiện việc đăng tải Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh theo đúng quy định tại khoản 5 Điều 11 Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 19/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh (*chậm nhất 25 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến; thời gian đăng tải ít nhất 30 ngày*).

VII. VỀ ĐIỀU KIỆN TRÌNH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Sau khi nghiên cứu, tiếp thu, giải trình các ý kiến thẩm định đã nêu tại Báo cáo này, dự thảo đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

Trên đây là Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp, đề nghị Sở Tài chính nghiên cứu, hoàn chỉnh hồ sơ dự thảo Nghị quyết; đồng thời thực hiện bảo đảm theo quy định tại khoản 1¹, khoản 2² Điều 51 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, NVI (NTBH).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Vi Thị Thùy

¹ “1. Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm: a) Nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự thảo văn bản; b) Trao đổi, thống nhất với các cơ quan về các vấn đề còn có ý kiến khác nhau.”

² “2. Hồ sơ dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân, đồng thời gửi Sở Tư pháp bằng bản điện tử và 01 bản giấy, bao gồm: a) Tài liệu quy định tại khoản 2 Điều 50 của Nghị định này, trong đó tờ trình, các báo cáo được ký và đóng dấu, dự thảo văn bản được đóng dấu giáp lai, các tài liệu khác được đóng dấu treo của cơ quan chủ trì soạn thảo; b) Báo cáo thẩm định; báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định.”